

## CON NGƯỜI VÀ VĂN HOÁ NAM BỘ TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA BÌNH-NGUYỄN LỘC

*Nguyễn Thị Thu Trang*

1. Trong các tác gia văn xuôi vùng đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975, Bình-nguyên Lộc là nhà văn có số lượng tác phẩm đã viết và đã xuất bản thuộc vào hạng nhiều nhất. Các sáng tác của ông ít nhiều đã có ảnh hưởng tích cực đến đời sống sáng tác và con người Nam Bộ trước đây cũng như bây giờ.

Bình-nguyên Lộc sinh ra, lớn lên và sống gần như trọn đời tại vùng Đồng Nai-Sài Gòn. Ông lấy tên đất làm bút danh cho mình, viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên đặt tên là *Phù Sa*, tập truyện đầu tiên tên *Hương gió Đồng Nai*, lập nhà xuất bản Bến Nghé..., và toàn bộ những tác phẩm của ông đã lý giải cho quan điểm sáng tác rất nhất quán là hướng về quê hương, hướng về cội nguồn!

Thổ ngơi, mùi vị, cuộc sống, nếp sinh hoạt của vùng đồng bằng sông Đồng Nai, sông Cửu Long... là đề tài, là nguồn cảm hứng dường như không bao giờ cạn cho những trang viết của Bình-nguyên Lộc. Ông từng nói: "*Văn tôi bắt nguồn từ những cảnh đẹp với quê hương và xuất phát từ lòng nhớ nhung tha thiết của tôi với nó...*" [4/372].

Tình cảm và "*lòng nhớ nhung tha thiết*" mà nhà văn nhắc đến ấy còn là nguyên nhân để văn chương ông hướng đến việc lưu giữ hình ảnh con người và những giá trị văn hoá vùng đồng bằng Nam Bộ trong dòng chảy mãi miết của thời gian.

2. Bình-nguyên Lộc viết nhiều thể loại nhưng truyện ngắn là phần nổi trội và thành công nhất, là nơi thể hiện tập trung tư tưởng và phong cách sáng tác của nhà văn. Khảo sát hơn 100 truyện ngắn đã in trong *Tuyển tập Bình-nguyên Lộc, tập I & II* [14], có thể thấy điểm chung vẫn là cái nhìn về con người và văn hoá Nam Bộ của chính tác giả.

- 2.1. Bình-nguyên Lộc hay viết về người nông dân nghèo gắn bó mật thiết với mảnh đất, căn nhà lâu đời của mình. Nếu họ có lìa xa quê hương ra thành phố, sống đời anh "*công chức*" hay sống bằng những nghề khác, thì trong "*căn bốn*" họ cũng là người dân quê và sẵn sàng về quê như anh Thuận trong truyện *Đất không chết*. Bà vợ ông giáo Quyên khi chuyển ra sống ở thành phố cũng nhớ đất đến mang bệnh và cuối cùng cả nhà phải dời ra ngoại ô để bà có đất trồng trọt, để đỡ nhớ mùi đất quê hương. Người trông coi nghĩa trang thành phố cũng vậy. Anh ta chỉ ở lại, không bỏ về quê nữa vì tại đây anh ta có đất để trồng bông vụn thọ, để trồng rau, để bận rộn với công việc quen thuộc của mình (truyện *Thèm mùi đất*). Còn cha anh Sáu Nhánh (truyện *Phân nửa con người*) dù đã tuổi cao bóng xế vẫn kiên quyết bỏ con cháu, bỏ cuộc sống trên chiếc ghe thương hồ để lên bờ sống trên đất liền. Ông thậm chí còn cho rằng tình nghĩa với đất còn sâu nặng hơn cả tình nghĩa vợ chồng: "*Vợ chồng chỉ ăn ở nhau ba bốn*

*mười năm là cùng, đất thì nó thấy mình sinh ra lớn lên, già yếu, rồi nó lại ôm mình khi mình chết. Mình cũng thấy nó từ lúc lững chững bước đi cho tới lúc chống gậy mà lê bước..." [14/998]...*

Trong mối liên hệ với tự nhiên bao gồm đất đai, sông nước, ruộng vườn, cây cỏ, thời tiết nắng mưa...; Bình-nguyên Lộc luôn cho rằng đất là tình yêu sâu nặng nhất của con người. Tập quán, nếp sinh hoạt ở một nước nông nghiệp lâu đời dường như đã ăn sâu trong tiềm thức của người dân. Tư tưởng sở hữu đất cùng với những nét tâm lý rất đặc trưng của người nông dân Nam Bộ được nhà văn phát hiện trong những chi tiết khá thú vị như cảm giác thèm mùi đất, nỗi khát khao được che chở, bảo vệ đất... Nhà văn để cho nhân vật tự phân tích và phát biểu:

*"Đất có mùi thật sự, nhứt là đất mới xới, một mùi rất đặc biệt mà mũi họ quen ngửi cho đến ghiên, thiếu thì họ nghe thèm. Họ thấy rằng họ hạnh phúc vì họ được thỏa mãn tình cảm. Tình nhớ xức, nhớ nhà gồm nhiều yếu tố, mà nỗi thèm mùi đất là một yếu tố quan trọng. Nỗi thèm này có khi mãnh liệt như nỗi thèm mùi thuốc phiện của những con thần lẩn, những con chuột lắt sống trong buồng của những kẻ hút thuốc phiện, họ thèm và nhớ mùi đất y như đào hát thèm và nhớ sân khấu, vũ nữ thèm và nhớ đèn màu, và y như cá thèm và nhớ nước..." [14/981].*

Tình yêu với đất được cất nghĩa như một sức hấp dẫn tự nhiên với con người như vậy, nên đôi khi vì đất đai, cây cỏ, con người có những hành động "kỳ cục". Ba Mìn (trong truyện *Mẹ tôi tái giá*) cùng với những người dân làng Chánh Hưng sống dựa vào rừng già. Khi lão Tây Xi-lăng-ba định phá rừng trồng cây cao su, đêm nào Ba Mìn cũng lén bưng bếp rế-sô cồn vào bãi trồng đụn nước sôi tưới lên gốc cây cao su, làm cây chết dần chết mòn. Ba Mìn quyết tâm giết chết những cây cao su con để bảo vệ rừng già cho tới ngày lão Tây cho xe ủi và máy cày đến cày xới trên sáu mươi mẫu rừng với hàng trăm phu thợ, anh mới buồn bã khăn gói trở về làng cũ. Ở làng cũ như làng Tân Nhuận của ông Cựu Xã An, thanh niên lần lượt bỏ ra đi, chỉ còn người cũ già nua và cái xa nước cũ kỹ không đủ sức quay để tưới cho cánh đồng khô hạn. Hình ảnh ông Cựu Xã An đứng nhìn cái xa nước quay yếu ớt mà "hồi hộp, nín thở" giống như đang chứng kiến giờ phút hấp hối của người thân, hay đoạn tả cảnh ông tiếc ngẩn ngơ khi thấy những ống tre mức nước sút dây làm nước đổ trật xuống suối lại trong khi "đám đất ông nó khát hả họng" (truyện *Đất không chết*) thật thấm thía, cảm động [14/288]. Đất quê có khi không nuôi nổi con người nhưng con người vẫn nặng tình với đất. Lão Nghiệm, thím Bảy, thằng Ất và những người dân xóm Gò Rái của làng Tân Định nghèo khó trong truyện *Bám nịu* giống như những con cá cố lội ngược dòng nước chỉ để được ở lại nơi chôn nhau cắt rún. Cả một đời cơ cực nhưng lão Nghiệm cho rằng được sống ở nơi mình sinh ra, lớn lên đã là niềm hạnh phúc: "*Cái ngày mà ông nội tui quyết định ở lại, tui mừng không biết bao nhiêu, tui chạy đi báo tin lành với các bụi tre ở đầu xóm, với con suối cạn ở cuối thôn, và cả ngày ấy, không có gì ăn tui cũng nghe no tới cổ vì sung sướng*" [14/1016]. Không chỉ 17 truyện đã in trong tập *Cuống rún chưa lia* mà với nhiều truyện khác nữa,

nhà văn Bình-nguyên Lộc hướng tác phẩm mình đến chủ đề: *con người luôn gắn bó với đất mẹ yêu thương!*

Đất đai, cây cối... thật thiêng liêng mà gắn gũi với con người. Người dân cần có đất để canh tác nhưng dù luôn mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp hơn thì họ vẫn nghĩ đến việc sống hoà đồng với tự nhiên hơn là chinh phục, thống trị nó. Rừng mấm là một truyện xuất sắc nói về vấn đề này. Truyện là bức tranh sinh động về những thế hệ tiên phong đã lao khổ mở đất khẩn hoang vùng đồng chua nước mặn để gây dựng sự sống. Ông nội của thằng Cộc tự coi đời mình là rừng mấm, tin rằng sau mấm sẽ là tràm và sau đó nữa sẽ là những vườn cây ăn trái. Tự nhiên không phụ con người nếu con người biết bền gan với nó. Cây mấm không dùng được vào việc gì nhưng cây mấm có nhiệm vụ tiên phong lấn đất, giữ đất cũng như biết bao thế hệ cha ông đã tình nguyện hy sinh trên vùng đất mới cho lớp lớp con cháu tiếp tục sống, sinh sôi phát triển. Lời giải thích của ông nội vào một buổi sáng cùng ông và cha chèo thuyền ra biển làm thằng Cộc cảm nhận được cái cao cả của tự nhiên và của con người. Con người có khả năng cải tạo tự nhiên, sống cùng với tự nhiên nhưng nếu anh hủy diệt tự nhiên, chống lại tự nhiên thì anh sẽ phải trả giá đắt. Truyện Bà mọi hủ vừa là hình ảnh thực của vùng đất phía Tây Đồng Nai-Biên Hoà thời xa xưa, vừa là sự giải thích của nhà văn về tác hại của việc hủy diệt môi trường tự nhiên. Cho tới nay tiếng hú tuyệt vọng, đau đớn của người đàn bà rừng rú mà thần thánh đó còn vang vọng để nhắc nhở mọi người về cách ứng xử với tự nhiên. Truyện *Câu dằm* cũng vậy, thông qua chuyện báo ứng hoang đường của ông Ba, hệ quả tất yếu của chuyện vét sạch cá ở sông suối, ao hồ thật khủng khiếp và con người phải hứng chịu lấy.

Đôi khi tôn vinh và thần thánh hoá sức mạnh của tự nhiên nhưng tác giả cũng hiểu rằng đất đai, rừng núi, sông hồ chỉ gắn bó máu thịt với con người khi ở đó con người có kỷ niệm, có tình người. Ông để cho người đàn bà xa xứ trong truyện *Chiêu hồn nước* lặn lội ngàn dặm về thăm quê trong những ngày sắp Tết, nhưng bà ta đã không tìm được điều muốn tìm đó là linh hồn quê hương bởi vì tại đây bà không còn sợi dây liên hệ tình cảm nào cả: "*Cây cỏ vẫn có linh hồn. Nhưng ta chỉ nắm tay được với linh hồn cảnh vật qua trung gian của một linh hồn khác thôi, linh hồn người...*" [14/947]. Anh thanh niên tên Bùi An Khương trong truyện *Thêm người*, thầy giáo Lâu trong truyện *Rung cây dừa...* dù có giận dỗi mọi người bỏ ra đảo hoang hoặc trốn vào rừng sâu thì cuối cùng cũng không thể sống tự nhiên hoang dã như cây cỏ, như muôn thú được. Họ bằng mọi cách đã trở lại với cuộc sống bình thường, cuộc sống có mối quan hệ giữa con người với con người, trong cộng đồng người.

- 2.2. Như vậy trong truyện ngắn của Bình-nguyên Lộc, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên là quan trọng, nhất là ở buổi đầu khi Nam Bộ còn là vùng đất mới. Nhưng mối quan hệ đó vẫn là thứ yếu và phụ thuộc vào mối quan hệ giữa người với người. Quê hương hay quê nhà, theo quan niệm của một nhân vật trong truyện ngắn Bình-nguyên Lộc thật cụ thể, giản dị:

"Phải có những nếp nhà đã chứng kiến bao nước mắt, bao nụ cười của bao thế hệ trong dòng họ ta, những nếp nhà mà mỗi món đồ (từ thếp đèn xưa gãy chơn, đến cây ngạch cửa mòn lẩn dưới bàn chơn của những người thân yêu) đều là bầu bạn của ngày buồn lẫn ngày vui của ta. Phải có những con đường mòn bò quanh quẩn trong làng mà mỗi phiến đá bên lề biết kể về một câu chuyện đau thương hay ngộ ngộ. Phải có những vuông ruộng sau nhà mà nơi đó lười cày của tổ tiên ta đã lặn hụp từ mấy nghìn năm..." [14/296].

Trong tất cả những gì "phải có" đó, con người dường như chú trọng đến mối liên hệ máu thịt gia đình hơn là cộng đồng làng xã. Nhân vật của Bình-nguyên Lộc dù sống trên sông nước hay trong những làng xóm xa xôi hẻo lánh gần rừng núi, ở nông thôn hay ở thành phố thì vẫn luôn cùng với gia đình. Thậm chí như anh thợ mộc tên Nguyễn Văn Mun định bỏ làng Phú Thạnh nghèo đi làm ăn nơi khác, khi đi chẳng những mang theo vợ con gia đình, mà còn mang theo cả sáu bộ hài cốt của cha mẹ ông bà để tiện nhang khói và để ấm lòng người xa xứ (truyện *Mấy vụ quật mồ bí mật*). Truyện *Má ơi, má!* làm người đọc chảy nước mắt. Con Nhộng, nhân vật chính trong truyện, hãy còn nhỏ tuổi lại bị mù mắt, má nó mắc bệnh bại xụi nặng, ba thì đã chết cách đây bốn năm, nên nó phải làm cái nghề leo cau hái trái rất nguy hiểm vì cần tiền nuôi mẹ. Nhộng té từ ngọn cau xuống, trước khi chết còn kêu lên đau đớn: "*Má ơi, má!*". Khác với con Nhộng, thằng Kẹo trong truyện *Lại mẹ tôi tái giá* có má nhưng vì giận mẹ tái giá nên bỏ nhà đi bụi đời. Sau một lần tù tội, nhất là sau lần gặp gỡ ngẫu nhiên với một cô gái quê chăm chỉ, Kẹo mới thấy thương mẹ và quyết tâm làm lại cuộc đời...

Những nhân vật trong truyện ngắn Bình-nguyên Lộc dù trong cảnh ngộ nào cũng mơ ước có một gia đình êm ấm hạnh phúc. Ngay cả với người ngoài gia đình, họ cũng dễ dãi, gần gũi theo kiểu người trong nhà hơn là giữ lễ nghi, phép tắc. Sợi dây liên hệ giữa người với người trong cộng đồng ấy chính là *nghĩa tình* bất kỳ họ ở đẳng cấp, vị trí nào. Trong truyện *Lương tâm kẻ trộm*, Ba Khện là tên trộm. Sau nhiều đêm lập mưu ăn cắp bò nhà Xã Tân, hắn đã thành công đem được đôi bò êm ru giong xe ra ngoài nhưng khi gặp người đang vội vã rước Xã Tân về để cứu bà mẹ Dậu bị rắn cắn, anh ta quyết định bỏ lại đôi bò vì biết người nhờ xe là hàng xóm tốt bụng nóng lòng muốn cứu người láng giềng. Cũng như vậy, trong truyện *Chiếc khăn kỷ niệm*, ông Bảy Rựa vốn không bà con gì với Tấn, nhưng anh vẫn thường tới thăm nom ông ở nhà thương thí như người thân cho đến khi ông qua đời chỉ vì ông ở cùng làng với Tấn, vì ông gọi Tấn nhớ quê hương bản quán của mình. Từ con Dừa trong truyện *Cây đào lộn hột*, cô Diệu trong truyện *Rắn cắn làm phước*, đến thi sĩ Quỳnh Dao (tức Hưng) trong truyện *Bí mật của chàng...* đều là những người trọng nghĩa hay nói khác hơn coi người khác hơn bản thân mình. Trong truyện *Đông đội*, Tư Nết thuộc đội ghe An Thịt tuy bị mua chuộc lẫn hù dọa nhưng anh thà hy sinh bản thân mình, gia đình mình hơn là bán đội nhà cho đội ghe Ba Doi. Quan niệm đạo đức theo kiểu trọng nghĩa, khí khái này chi phối cả việc đánh giá con người.

Bình-nguyên Lộc ít xây dựng những nhân vật với tư cách là con người cá nhân có khả năng khái quát cho tính cách hay số phận. Nhân vật trong những truyện ngắn của ông là biểu hiện của cuộc sống đa dạng, phong phú và cho quan niệm đạo đức xã hội. Thằng Bò là đứa mồ côi, không được ghi tên vào sổ đình trong làng nhưng ai cũng nhớ nó nhất là khi có đứa trẻ chết đuối, khi có việc khó cần nó. Thằng Bò chết rồi người ta mới nhận ra giá trị của nó một cách muộn màng (truyện *Tiếng vang trễ muộn*). Sanh yêu Mai và đã định ngày cưới nhưng thấy Dung (bạn Mai) có nhan sắc hơn nên Sanh xiêu lòng, phụ người vợ chưa cưới để theo Dung. Ở với người đẹp, Sanh mới nhận ra tính nết của Mai có giá trị hơn nhiều so với vẻ bề ngoài hào nhoáng của Dung (truyện *Cái nết đánh chết cái đẹp*). Cũng như vậy, nhân vật thầy Ba Hát trong truyện *Thám hiểm lòng người* quyết định cưới cô Năm xấu xí lại tật nguyên làm vợ chứ không chọn cô Hai Thiên xinh đẹp vì anh khám phá ra tấm lòng nhân hậu, quảng đại hiếm có của cô Năm. Con người trong truyện Bình-nguyên Lộc xấu tốt đôi khi được thể hiện quá đơn giản, rõ ràng như kiểu các nhân vật trong những truyện thơ nôm bình dân phổ biến ở miền Nam. Hoàn cảnh có thể xô đẩy con người vào con đường tội lỗi nhưng không làm tha hoá, biến chất họ. Một tên cướp, một á gái giang hồ vẫn có lòng nhân, sẵn sàng che chở cho người đồng cảnh ngộ. Họ bất đắc dĩ phải lừa bạn mình nhưng họ ăn năn, hoàn lương liền ngay sau đó (truyện *Ba con cáo*). Vùng đất mới ít định kiến, lại pha trộn nhiều loại người với nhiều nguồn văn hoá khác nhau, nên chi bản tính con người cũng dễ dãi hơn.

3. Nam Bộ là xứ miệt vườn như nhà văn Sơn Nam nói, Nam Bộ cũng là vùng sông nước vì có tới 57.000km đường kênh rạch, sông nước [5/313]. Bức tranh quê hương mà nhà văn Bình-nguyên Lộc khái quát trong những truyện ngắn của ông không chỉ có con người với cuộc sống của con người mà có cả bề rộng lẫn chiều sâu của một vùng văn hoá đa dạng, phong phú.
- 3.1. Bình-nguyên Lộc cũng như nhiều nhân vật của ông sinh trưởng ở vùng quê nhưng sống và làm việc chủ yếu ở thành phố Sài Gòn. Sức hút đô thị vào lúc này đã mạnh nhưng vẫn chưa bứt đứt hết mọi tình cảm liên hệ với đồng ruộng, thôn xóm cũ. Những đường phố, biệt thự và chợ búa; những đường làng, dòng kênh, bờ rạch nối liền nhau tạo nên một Nam Bộ thân thương, vừa hoang dã vừa thâm uất. Thương nhớ thì đi về thường xuyên trên những con đường đó, còn tâm tình thì dành để lý giải cho mọi thứ đổi thay của thời gian. Sài Gòn, trung tâm điểm của bức tranh là nơi thay đổi nhiều nhất. Lịch sử hơn 300 năm của thành phố là sợi dây nối liền của những đổi thay đó. Không chỉ có trong tập *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình-nguyên Lộc* mà trong rất nhiều truyện ngắn, nhà văn cũng hay nhắc đến tên phố, tên đường, hàng cây và những dấu tích cổ xưa của nó. Sài Gòn không chỉ có me, thành phố còn có hai cây vông nem cổ thụ nở hoa đỏ rực (truyện *Cây vông đỏ*) [11]. Rất nhiều cây xanh đã ngã xuống cho nhà cửa mọc lên, thậm chí người chết còn phải nhường chỗ cho người sống. Những nghĩa trang bị thu hẹp dần rồi bị bỏ hoang, bị dời đi nơi khác (truyện *Ba con cáo*). Những căn nhà tạm bợ, lụp xụp dần dần được thay thế bằng nhà đúc, nhà lầu năm bảy tầng. Bệnh viện, công sở mọc lên cùng

với nhà hàng, tiệm nháy, quán bar. Những con chim thường cất tiếng hát chào bình minh cũng vắng bóng, im tiếng dần, chỉ còn mắc trên các đường dây điện của thành phố mấy xác điều giầy dãi dầu theo mưa nắng. Phố lớn bên ngoài, còn bên trong dọc ngang là những hẻm nhỏ. Có những con hẻm thâm u, ẩm mốc, không có tên, không lối ra nhưng cũng có hẻm dấu kín biết bao bí mật của thành phố (truyện *Ngõ hẻm vợ bé*, *Một ngày xuân vui*). Phố không có trâu bò nhưng phố có nhiều xe. Xe đi lại, giằng mắc trên đường phố, trong ngõ hẻm, có cả xe nhà binh, xe quân sự. Màu sắc, hình dáng và tên gọi của các loại xe cũng nói lên địa vị hay tính cách của chủ nhân nó.

Nếu thành phố có nhà cửa và đường sá làm nét chủ đạo thì miền quê có những dòng sông, kênh rạch, ruộng vườn trên cái nền quen thuộc, ít thay đổi. Thành phố trong những truyện của Bình-nguyên Lộc khác miền quê nhiều thứ nhưng vẫn được xác định trong hình dáng Nam Bộ nói chung. Có lẽ do được cảm nhận từ tâm hồn của chung một người, một nhà văn gắn bó quá sâu nặng với bản quán, làng quê và cả với nơi cư ngụ.

Không gian trong truyện Bình-nguyên Lộc thường được trình bày qua góc nhìn văn hoá. Ở đó mỗi chi tiết, địa danh đều lưu dấu thời gian và nếp sinh hoạt, tập quán của con người. Những truyện như *Bà mọi hú*, *Bám núu*, *Đất không chết*, *Bán ngôi nhà cổ*, *Săn cọp Đồng Nai*, *Tiếng thần rừng*, *Ma rừng*...đưa người đọc trở về vùng Đông Nam Bộ, bắt đầu từ nơi tiếp giáp với các cao nguyên đất đỏ Nam Trung Bộ. Những làng mạc hoang sơ, hẻo lánh; núi thấp, gò đồi, bờ sông cao, rừng rậm... Nhà văn nhắc đến chuyện săn bắn, đào suối, trồng lúa, nuôi bò và nỗi sợ hãi hạn hán, thiếu nước. Truyện *Câu dằm*, tác giả ghi rõ ràng tặng làng Tân Uyên, Biên Hoà của mình [14/983], nên chi đã có hình ảnh sông nước và mùi vị phù sa con sông Đồng Nai. Tới truyện *Phân nửa con người*, *Con Tám Cù lần*, hay truyện *Lại mẹ tôi tái giá*, *Không một tiếng vang*...thì lênh láng một vùng sông nước. Người ta đi lại bằng ghe, bằng thuyền, và sống với cả gia đình trên thuyền. Cha anh Sáu Nhánh vui mừng khi có cả ba mươi thực khách lên thuyền mình ăn giỗ. Ông rất giỏi lộ trình đường nước nên biết đúng ngo ghe thuyền thường kẹt ở Vàm Cui này (truyện *Phân nửa con người*). Thú vị nhất là cảnh một thằng bé "mình trần lưng đen thui", "mặc chiếc quần xà lỏn bằng vải đen đã trở trắng" chạy như giông, như xiếc trên cả đoàn ghe dài "mũi chiếc sau cột dính lại với lái chiếc trước", theo sau là má nó và con chó mực, mà chẳng ai chịu kém tài. Cuộc đuổi bắt này chỉ dừng lại khi thằng bé chạy đến mũi tàu cuối cùng, nhảy ùm xuống nước, còn má nó "đứng đó, cầm roi điềm điềm trên không trung, về hướng nó rồi hăm dọa: - Mày hồng lên cho tao đánh đòn, tao la làng cho mày coi!". Mà không có làng, chỉ có ghe thuyền và sông nước mênh mông! (truyện *Lại mẹ tôi tái giá*) [14/484]...

Fù sa sông Cửu Long, sông Đồng Nai bồi đắp nên một vùng châu thổ màu mỡ, làm cho những vườn cây trái thêm sum suê, tươi tốt. Bình-nguyên Lộc ít miêu tả tỉ mỉ miệt vườn như nhiều nhà văn khác khi viết về vùng đất phương Nam, nhưng ông thường chú ý các vựa trái cây bày bán. Những thùng sa-bô-chê nặng trĩu trên các xe hàng (truyện *Lại mẹ tôi tái giá*). Những vựa dưa chắt

cao lút đầu, nhiều đến mức chủ dưa không bao quát xuể. Dưa chở đến từ khắp nơi bằng ghe, bằng xe bò tấp nập đông vui vào những ngày giáp Tết (truyện *Thí một con chốt hốt một con xe, Bớt đi một trái*). Và như một lẽ tất nhiên, ở những làng mạc trù phú hoặc nơi đô thị, nhịp sống bao giờ cũng sôi động hơn. Nó hấp dẫn con người trên đường tìm kiếm mưu sinh, nhất là trong hoàn cảnh bom đạn chiến tranh thường xuyên tàn phá những vùng quê xa...

- 3.2. Nam Bộ là nơi gặp gỡ và cùng sống chung của nhiều tộc người như Chăm, Khơ me, Hoa, Mạ..., trong đó người Việt đóng vai trò chính. Những người Việt đầu tiên đến định cư ở vùng đất mới đều từ miền Bắc và miền Trung. Họ đến và mang theo vốn văn hoá gốc rễ của mình. Những người như Tôn, Thụ...(truyện *Quyển gia phả*) sống rất lâu ở miền Nam mà vẫn còn giữ tục gói bánh chưng, trồng nêu ngày Tết như người dân Bắc. Những người dân làng Bình Thới, Biên Hoà như gia đình ông Hương Quán Xệ, ông Xả Hộ... vẫn giữ kín công thức làm đường phối gia truyền mà họ đem vào từ quê hương Quảng Ngãi (truyện *Bảo mật*). Bác Y cũng vậy, sống lâu ở làng quê Quảng Nam với nghề trồng dâu nuôi tằm, nên khi vô Sài Gòn làm công nhân trong nhà máy, bác vẫn nhớ quê, nhớ nghề. Bác cố trồng trước sân cây dâu, mỗi khi trời mưa, thương tằm bác cầm nón ra che mưa cho dâu (truyện *Mưa thu nhớ tằm*). Truyện *Cô Hời bán thuốc* nhắc đến nếp sống của đồng bào Chăm. Trong những tác phẩm Bình-nguyên Lộc, có khoảng 5 đến 10% số truyện viết về cuộc sống của đồng bào người Hoa trên đất Nam Bộ (*Ăn cơm chua, Pì pế hán, Lữ Bất Vi nguyên tử, Lò chén xóm sao, Người tài xế điên, Hồn ma cũ...*). Cộng đồng người Hoa đã đóng góp rất nhiều cho sự thịnh vượng chung của vùng đất nơi mình cư ngụ bởi họ cần cù và giỏi tính toán mua bán. Có những người rất giàu sang như ông bang Sa, chủ tiệm sắt (truyện *Người tài xế điên*), như mái chín Dành, nhà đầu cơ (truyện *Lữ Bất Vi nguyên tử*); nhưng cũng có thân phận cơ cực, tội nghiệp. Họ trôi dạt đến từ đất nước Trung Hoa nghèo khó, xa xôi, sống khổ sở nơi xứ lạ với giấc mơ có cơm ăn, có áo mặc ấm (truyện *Pì pế hán, Ăn cơm chua*). Những cô gái Triều Châu vẫn để rìa tóc trước trán như thôn nữ miệt vườn hay mặc áo bà ba. Nghề nghiệp, tiền bạc cũng phân hoá con người thành nhiều thành phần khác nhau trong một xã hội đa dạng. Có nghề *thượng vàng* như nghề buôn "vua" (truyện *Lữ Bất Vi nguyên tử*), có nghề *hạ cám* như nghề xúc cát dưới sông (truyện *Không một tiếng vang*), nghề bắt cá dưới ống cống (truyện *Người chuột cống*), nghề khóc mướn (truyện *Bí mật của chàng*)... Dù mọi loại người với công việc, quan hệ và tiếng nói khác nhau.

Trong bầu không khí chung của sự sống, tiếng nói con người là âm thanh quan trọng nhất. Tiếng Việt giọng Bắc, giọng Quảng Nam xen với tiếng Tàu lơ lớ giọng Phúc Kiến, Triều Châu và có cả tiếng Chăm, tiếng Khơ me... Công cụ giao tiếp này trong quá trình sử dụng đã có sự tiêm nhiễm lẫn nhau nhưng nó vẫn là nơi thể hiện linh hồn quê hương bản quán nhiều nhất. Bình-nguyên Lộc là nhà văn không chỉ sử dụng một giọng văn thuần túy Nam Bộ trong tất cả các tác phẩm, mà ông còn rất chú ý tới việc thể hiện cá tính Nam Bộ trong phát ngôn của nhân vật mình. Ông cho một nhân vật nhận xét về giọng nói:

"*Phải nghe con Tám Cù Lân nói, mới thấy được lòng thương mến làng mạc của nó, giọng nói còn quan trọng hơn lời nói nhiều lắm. Lại còn những lúc im lặng nữa. Ta học nhạc Tây phương, đã thấy những sự quan trọng của những chỗ lặng, thì con Cù Lân im lặng cũng quan trọng lắm. Tôi nghe và hình dung nó đang nhìn xa về làng nó..."* (truyện *Con Tám Cù Lân*) [14/931].

Quả thực, con người đã mang quê hương vào trong tiếng nói của mình. Vậy nên một ông giáo người Pháp từng sống lâu năm ở Việt Nam một hôm ngẫu nhiên nghe người phụ nữ đi ngang qua nói tiếng Việt, ông ta xúc động đến nỗi "*òa lên khóc rấm rứt*" (truyện *Căn bệnh bí mật của nàng*)...

Cùng với âm thanh là mùi vị, màu sắc...là những gì quen thấy, quen nghe từ thời thơ ấu tạo nên linh hồn quê hương trong mỗi con người. Nhà văn Bình-nguyên Lộc thường giới hạn, định vị cho những thứ vô hình và hữu hình làm nên hồn quê đó bằng một cụm từ quen dùng là "*chơn trời quen thuộc*". Ông còn cho rằng những yếu tố vô hình (*văn hoá tinh thần*) quyết định cho hồn nước và tính cách dân tộc hơn là những yếu tố hữu hình (*văn hoá vật chất*). Người ta có thể xa quê, đi đến một nơi xa lắc nhưng vẫn mang theo chân trời quê đó trong trái tim mình. Ngay cả người ở gần cũng thương nhớ Sài Gòn với đủ tiếng rao đêm quen thuộc, mùi ống cống, mùi xăng xe...; nhớ làng quê với gốc cây đào lộn hột, tiếng hát cải lương, giọng hò trên sông, mùi phân bò "*thơm hương đồng áng, hương của một nông trại hẻo lánh nào, hương ấm của một gia đình nông dân đủ ăn*" [14/1190]. Mùi mắm kho làm Thuần và đám bạn đang ở thành phố cồn cào nhớ quê và quyết định trở về (truyện *Đất không chết*). Mùi *hương hành lá pha với mùi nước mắm của một trách cá kho* đang sôi của nhà ai đó, giúp ông Vĩnh Xương tìm được chàng rể như ý có tâm hồn thuần Việt (truyện *Hương hành kho*). Ngay cả chín cô me Mỹ mà Tuấn gặp ở Vũng Tàu (truyện *Những đứa con thương của đất mẹ*) dù sống với chồng ngoại quốc, vẫn không chịu được món ăn người Tây, vẫn thích ăn bánh xèo với mắm chanh ớt cay, thích nghe cải lương, không thưởng thức được nhạc Jazz và cách ứng xử văn hoá của người Âu Mỹ...

Thói quen làm nên phong tục và phong tục làm nên nét văn hoá riêng của mỗi dân tộc. Đối với vùng đất mới Nam Bộ, quá trình giao lưu văn hoá diễn ra quá nhanh khiến cho việc bảo lưu văn hoá truyền thống luôn đi kèm với việc làm mới nó hoặc dung hoà nó.

- 3.3. Hầu hết các truyện Bình-nguyên Lộc đều lý giải rằng con người không bao giờ quên cội nguồn, dù đã già, dù sống cách xa vạn dặm với nơi sinh ra, thì *cuống rún* của họ vẫn không *lìa* đất mẹ, vẫn gắn kết tự nhiên mật thiết với quê hương (ngay cả trong tiềm thức). Phải giữ cho hồn quê thuần túy không pha tạp, dù chỉ đổi món ăn theo kiểu Tây; đổi bếp củi, bếp than sang bếp dầu, bếp gaz... (truyện *Lúa Tết, Những đứa con...*). Ông để cho bà mẹ già sống một mình, dù con cháu ép uống cũng kiên quyết không bán ngôi nhà cổ cũ kỹ ở một vùng quê nghèo khổ (truyện *Bán ngôi nhà cô*). Một xóm dân cư chỉ gồm mấy hộ gia đình dù bị dụ dỗ, lừa gạt, mua chuộc cũng nhất quyết không đổi bất cứ giá nào vùng đất sỏi đá, khô cằn họ đang sống vì ở đó có "*những ngôi mã tổ*"...



Nhưng mặt khác, trong nhiều truyện, nhà văn lại đả phá chuyện bảo thủ, chuyện khư khư giữ lấy những cái đã thuộc về quá khứ và tôn thờ nó. Ông để cho nhân vật Khoa (truyện *Quyển gia phở*) thuyết giáo Thụ và Tôn về những *thói quen* lặp lại mà con người cho là *phong tục* không thể bỏ; và khi quyển gia phở dòng họ bị cháy thành đống tro tàn:

*"Anh Tôn anh ấy khổ sở thế vì quyển gia phở ấy giúp anh bằng có để mà tự hào về dòng họ cố nhứt miền Nam của chúng tôi: còn mồ mả những mười hai đời và gia phở chép những mười lăm đời. Anh tự hào rồi mãi vướng bận vì những bảo vật ấy. Tình quyến luyến ấy theo tôi cũng không hại gì cho lắm. Ác một cái là nó kéo theo cả bấy lâu những tình ý khác, cái nào cũng cố kính như ngôi mộ đóng rêu..."* [14/ 445].

Ở một truyện khác như truyện *Tre phải tàn*, nhà văn cũng nêu lên quan điểm về sự tiến bộ và việc phải thay thế tất yếu những cái đã cũ, đã lỗi thời. Ông cụ trưởng tộc đã chín mươi sáu tuổi, tuổi gọi là *Thiên liểu*, lẫn lộn lung tung. Ông không hiểu con cháu mà con cháu cũng không hiểu ông. Bác sĩ Ân là cháu trong họ, nhìn cụ tổ già yếu nhưng anh không lo chuyện chữa chạy, tấm bổ cho cụ sống lâu hơn nữa mà đã nghĩ rằng *"Tre phải tàn và con người phải chết!"*. Việc níu kéo mãi một cái đã già, đã cũ sẽ làm con người ngu quên trong sự lạc hậu, dốt nát và nhân loại khó vươn lên, tiến triển được...

Nhưng con người làm sao có thể đoạn tuyệt với gia đình, nhất là với những người thân yêu, ruột thịt có liên quan đến huyết thống của mình, làm sao có thể quay lưng với quá khứ nhất là khi quá khứ đó còn có khả năng tiếp sức cho thực tại. Nhân vật Khoa dù bị coi là người mất gốc thì đêm ba mươi cũng về dưới mái nhà quen để tìm hơi ấm gia đình, và khi Tôn gay gắt kết tội anh đốt quyển gia phở thì anh lặng im. Thái độ của anh khiến tác giả phải kết luận nước đôi rằng đó có thể là *"lời thú tội"* hoặc cũng có khi là *"thái độ xem thường kẻ kết tội oan"* [14/446]. Bác sĩ Ân chính là lớp *mãng non* thế hệ mới, văn minh, tiến bộ dù anh vẫn là con cháu của dòng họ Tôn tre tàn, lạc hậu.

Việc từ bỏ tập quán, nếp cũ truyền thống đã không đơn giản thì việc xoá đi một niềm tin thiêng liêng trong lòng người càng khó hơn. Nhất là khi giữa niềm tin trong sáng, chân thành với ảo tưởng hay định kiến chỉ là một khoảng cách mờ hồ, mong manh. Giữa tín ngưỡng, tôn giáo với mê tín, dị đoan cũng vậy. Nam Bộ là vùng đất mới đang được kiến thiết, trên con đường phấn đấu người ta cần vững tin, hy vọng nhưng trong cuộc hoà nhập để tồn tại, mưu sinh con người lại cần tỉnh táo, thực tế. Nhà văn Bình-nguyên Lộc giải quyết mâu thuẫn này khá đơn giản trong một số truyện bằng những hình ảnh sinh động pha chút hài hước.

Tạo trong truyện *Nhốt gió* là một kiến trúc sư nghèo, giận con và định xử phạt con để giữ gia phong nhưng khi vô tình nhìn thằng bé hàng xóm chơi trò nhốt gió vào trong hai ống quần buộc túm lại, Tạo bật cười và thấy ngay sự lạc hậu, cứng nhắc của mình. Tư tưởng hay tinh thần của con người cũng như con chàng sẽ không thể nhốt hay giam giữ trong bất kỳ một khuôn khổ nào. Chi trong *Lá rụng về ngọn* tìm về ở với cha để mong được gia đình người yêu công nhận

chính thức. Định kiến xã hội về chuyện sinh con không có cha đối với gia đình cô thật nặng nề. Nhưng cuối cùng Chi cũng quay lại sống trong tình thương yêu ngàn đời của mẹ, vĩnh viễn chối bỏ người cha già dối, bạc nghĩa vì tiền...

Có rất nhiều truyện như: *Người đẹp ven sông, Bàn tay năm ngón, Bên kia sự thật, Xe lửa Mỹ bung vành, Tình thơ đại...* nhà văn đề cập đến chứng bệnh ảo tưởng của con người. Anh Tư Được mê cô gái trên hình quảng cáo, Kinh có bàn tay sáu ngón mơ ước được có bàn tay năm ngón bình thường như mọi người, Hồ và Biển si tình đêm nào cũng tới quán giải khát để ngắm một người đẹp hay lái chiếc Dauphine màu kem tới hiệu cơm tây bên cạnh, một cậu bé mê cô đào Ba Đắc... Họ nuôi mơ ước cho tới ngày họ phát hiện ra cái đích họ kỳ vọng chỉ là ảo giác, không có trong thực tế. Những cô gái đẹp đều không thuộc về họ hoặc thay đổi xấu xí đến mức làm họ thất vọng. Ngay cả anh Kinh, khi đã giải phẫu cắt ngón tay thừa, để có bàn tay năm ngón như mọi người, thì anh mới hiểu ra cuộc sống thật tầm thường và mình vẫn không cao sang hơn như đã nghĩ. Viết những truyện này, Bình-nguyên Lộc không diễn giải theo kiểu bi kịch vỡ mộng, nhà văn chỉ đưa ra những hình ảnh phong phú của thực tế cuộc sống, và thực tế ấy phủ nhận mọi giáo điều, mọi ảo tưởng phù phiếm đã có. Các nhân vật của ông ở đoạn kết đường như cũng ít bị nỗi đau thất bại giày vò, họ tỉnh ngộ và vui vẻ chấp nhận thực tại ngay sau đó.

Cuộc sống trong truyện ngắn Bình-nguyên Lộc được miêu tả trong dòng chảy hồn nhiên như vậy, ở đó mọi sự va chạm đường như đều có khả năng hoá giải cho nhau hơn là dẫn đến xung đột gay gắt. Cả với vấn đề truyền thống và hiện đại cũng vậy. Nhà văn xúc động khi kể chuyện một người già sắp chết, buồn vì không truyền được nghề đóng cối xay tay gia truyền cho ai được, kể cả cho con trai (truyện *Nỗi buồn của người sắp chết*). Một người cha khác ngược lại vì giữ bí quyết nghề làm đường phổi cho gia đình mình, mà nhẫn tâm dùng mù hột điều nóng phá hoại nhan sắc của cô con gái (truyện *Bảo mật*). Rốt cuộc, cối xay vẫn dở dang không ai đóng, khi người đóng cối xay tay cuối cùng của làng ra đi, và nghề làm đường phổi cứ vẫn lan tràn từ miền Trung vào miền Nam. Con người tin vào thực tế hơn là lý thuyết máy móc.

Con người của vùng đất mới còn tin vào thế lực siêu nhiên. Nhà văn làm người đọc tin vào thần rừng, thần sông...; tin vào sự trừng phạt của thiên nhiên khi con người hủy hoại nó nhưng ông tuyệt đối không tin vào chuyện có ma quỷ. Truyện *Ba con cáo* kể chuyện con người sống ngay trên mả người chết. Truyện *Ma rừng* kể chuyện lão Cả Nghiệm lừa người Lào đổi bò mập bằng bò ốm mà họ cứ nghĩ do ma rừng làm. Truyện *Ma ném đá* thực ra là anh Ngọt giả làm ma ném đá để dọa cô Hén vì cô này chuyên dụ gái làng trốn ra thành phố. Truyện *Mấy vụ quật mồ bí mật*, thủ phạm cũng không phải ma mà chính là con cháu người dưới mồ bí mật đào... Những chuyện ma hay chuyện mê tín của Bình-nguyên Lộc giản dị như là những truyện cười, người nghe bất ngờ nhìn thấy sự thật đơn giản, tầm phào trong cái vẻ ngoài huyền bí, linh thiêng của nó. Ông không đem ánh sáng khoa học ra để mổ xẻ, cũng không cố tình hạ bệ *con ma sợ*

*hài* trong tinh thần của con người. Tiếng cười tổng tiền quá khứ nhẹ nhàng để con người vui vẻ tin nhau hơn và thêm yêu cuộc sống.

4. Nụ cười cởi mở và thái độ xuê xoa, giản dị, cũng là cá tính của người Nam Bộ trong nhà văn Bình-nguyên Lộc. Ông viết nhiều, viết nhanh về tất cả những gì xảy ra và gần gũi với mình, không câu kỳ trau chuốt tỉ mỉ cũng không quá hời hợt hay vì ảo tưởng danh vọng.

Sự xuất hiện của Bình-nguyên Lộc trên văn đàn trong bối cảnh văn chương đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 cùng với một số cây bút khác như Sơn Nam, Võ Hồng, Nguyễn Văn Xuân... đã tạo ra niềm tin và ấn tượng tích cực cho người đọc. Trong khi nhiều nhà văn khai thác tâm trạng phức tạp, khủng hoảng của con người trước những đổi thay của xã hội hiện đại với sự xâm nhập của văn minh Âu Mỹ, thì Bình-nguyên Lộc gọi lại hồn dân tộc, tìm về với bản quán quê hương, với đời thường và cuộc sống gia đình giản dị mà bình yên.

Những nhà văn đương thời và ngay cả sau này coi Bình-nguyên Lộc và Sơn Nam là hai cây bút văn xuôi tiêu biểu chuyên viết về lịch sử, phong tục, cảnh sắc và con người Nam Bộ. Tính cả quê quán lẫn thực tế tác phẩm, nhà văn Sơn Nam nghiêng về miền Tây Nam Bộ hơn, còn Bình-nguyên Lộc là của Đông Nam Bộ mà tâm điểm là vùng Đồng Nai sinh ra ông. Họ đều viết truyện ngắn hay hơn tiểu thuyết. Họ bổ sung cho nhau trong việc dựng lên bức tranh chung về văn hoá miền Nam.

Trong sự đồng cảm vì cùng gắn bó sâu nặng với quê hương, nhà văn Sơn Nam nói về tập truyện *Nhốt gió* của Bình-nguyên Lộc: "... tác giả viết *Nhốt gió* với thái độ nồng nhiệt yêu đời của một người nhớ quê, nhớ dân tộc..." [13]. Các nhà phê bình như Cao Huy Khanh, Trần Văn Nam, Hoàng Văn Bình... khi nhận xét về văn chương Bình-nguyên Lộc nói chung đều cho rằng văn ông "*bình dân và thực tế*" (*tâm lý của con người bình dân trong cuộc sống đời thường và thực tế nếp sống trong xã hội mới*) [9]. Ông Nguyễn Ngu Í [8], ông Lê Phương Chi [4], ông Nguyễn Nam Anh [1] trong các bài phỏng vấn với nhà văn Bình-nguyên Lộc chú ý đến khối lượng tác phẩm lớn, cường độ làm việc và quan điểm sáng tác của ông. Trong số những bài viết nghiên cứu, giới thiệu về tác phẩm của Bình-nguyên Lộc, bài giới thiệu tập truyện *Ký thác* đăng ở mục *Điểm sách* trên Tạp chí *Bách Khoa* của nhà văn Vũ Hạnh (viết với bút danh cô Phương Thảo) là có những ý kiến khen chê xác đáng nhất:

*"Bình-nguyên Lộc là một nhà văn phong phú. Ông đề cập đến nhiều vấn đề, nói đến rất nhiều cảnh sống và bày tỏ rất nhiều thái độ..."*.

*"... Bình-nguyên Lộc còn khiến ta mến yêu vì cái sắc thái địa phương đậm đà ở trong tác phẩm. Với Bình-nguyên Lộc chúng ta có dịp trở về với ruộng đồng miền Nam, chui qua cái ngõ ngách của đô thành, tìm đến những hàng quán cũ, chứng kiến những mẫu sống, những thói tục và những con người không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác..."* [7].

Bên cạnh việc đề cao ưu điểm của tập *Ký thác* gồm 16 truyện là: đề tài "*phong phú*", nội dung mang "*sắc thái địa phương đậm đà*", tác giả Vũ Hạnh cũng chỉ ra chỗ kém thuyết phục của tập truyện ngắn nói trên là cách trình bày và giải quyết các vấn đề quá dễ dãi, đơn giản.

Nhà văn Bình-nguyên Lộc cũng nhiều lần nói về cách viết của mình [10]:

*"Những yếu tố tôi thai nghén rồi viết thành tác phẩm không phải là cốt truyện mà là ý truyện. Cho nên tôi ít chú ý đến những câu chuyện ly kỳ gay cấn mà chỉ nắm lấy những ý tưởng ngộ nghĩnh trong những sự kiện..."*.

*"Sau khi bắt gặp ý truyện, tôi mới tạo nên cốt truyện, rồi gom góp những chi tiết, những địa điểm sống ngoài đời mà tôi cho là thích hợp với nội dung..."* [4/373].

Chính xuất phát từ việc lấy hiện thực bên ngoài để minh họa cho một ý tưởng được phát hiện nào đấy rồi tạo nên truyện, nên nhiều tác phẩm của Bình-nguyên Lộc thiếu một sự khái quát chung rộng và sâu. Ông bày ra cho người đọc một cuộc sống thật đa dạng, phong phú nhưng lại dẫn dắt họ đi vào quá nhiều ngã đường khác nhau mà lúc nào cũng bằng một sự hướng dẫn nhiệt tình, hồn hậu. Người đọc bị hấp dẫn bởi những chi tiết sinh động của cuộc sống ông miêu tả hơn là "*ý truyện*" định trước của nhà văn

Sau năm 1975, Nguyễn Q. Thắng là người nghiên cứu, tìm hiểu về Bình-nguyên Lộc bao quát và có hệ thống nhất. Trong lời giới thiệu bộ sách *Tuyển tập Bình-nguyên Lộc* [14] mà ông là người sưu tầm, tuyển chọn, ông đánh giá cao nội dung truyện ngắn Bình-nguyên Lộc tập trung thành 4 vấn đề chính: tình yêu làng quê, nơi chôn nhau cắt rún; tư tưởng tự do, tiến bộ, văn minh; ý thức vươn lên của con người; thương yêu gắn gũi người bình dân, nghèo khổ... Trong các *chủ đề* nêu trên, Nguyễn Q. Thắng cho rằng tình yêu làng quê là *chủ đề* rộng lớn nhất, bao trùm lên tất cả.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu, phê bình và người đọc đều đánh giá cao những cống hiến cho văn chương và cho quê hương của Bình-nguyên Lộc. Tác phẩm của ông ra đời trong suốt hơn hai mươi năm chiến tranh ở miền Nam đã đem đến cho người đọc một chỗ dựa tinh thần vững chắc đó là cội nguồn dân tộc, làm chúng ta yêu quê hương hơn và tin tưởng vào cuộc sống hơn. Tình yêu và niềm tin ấy không xuất phát từ quan điểm chính trị hay giáo lý đạo đức mà chính là sự gắn kết tự nhiên với đất mẹ thiêng liêng, với nơi mình sinh ra lớn lên, bao gồm cả những điều tưởng như vụn vặt, tầm thường nhất như giọng nói, món ăn, nước uống, cỏ cây...

5. Con người và văn hoá Nam Bộ trong truyện ngắn Bình-nguyên Lộc nói riêng và trong các tác phẩm văn xuôi nói chung, một lần nữa đã chứng minh cho mối quan hệ nội tại của văn học và văn hoá. Văn học vừa là một thành tố quan trọng của văn hoá vừa tác động đến sự phát triển của văn hoá dân tộc. Với tư cách chủ thể tiếp nhận văn hoá đồng thời là chủ thể sáng tạo, nhà văn chính là người lưu giữ qua văn chương mình những đặc trưng của văn hoá dân tộc, đối với Bình-nguyên Lộc còn là văn hoá vùng miền. Người nghiên cứu, người đọc

muốn tìm hiểu văn hoá và con người Nam Bộ sẽ đọc Bình-nguyên Lộc và Sơn Nam; cũng như muốn biết miền Trung hãy đọc Võ Hồng, Vũ Hạnh, Nguyễn Văn Xuân, muốn thưởng thức văn hoá ẩm thực miền Bắc phải đọc Nguyễn Tuân, Vũ Bằng,... Thể hiện bằng hình tượng và thông qua hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học, những nét riêng của văn hoá được người đọc cảm nhận sống động, tươi nguyên và cụ thể hơn.

Dĩ nhiên không thể đánh giá văn học bằng các tiêu chí và nội dung của văn hoá nhưng xem xét văn học từ góc độ này sẽ nhận ra thêm những giá trị rộng hơn và bền vững hơn của nghệ thuật ngôn từ. Đối với nhà văn Bình-nguyên Lộc, những nét đặc sắc của văn hoá và con người Nam Bộ vừa là cảm hứng vừa là bản chất của văn chương ông. Thoát ly khỏi bối cảnh những vùng quê và thành phố ông từng sống, ra khỏi nếp sinh hoạt, cuộc sống, phong tục Nam Bộ, ông khó có thể chứng tỏ được mình. Đó cũng là nhận định của nhà văn Vũ Hạnh: "*Tác giả biết yêu quý cái gì vốn là của riêng mình và khai thác những khía cạnh tốt đẹp của nó để làm vẻ vang cho mình và cho quê cảnh mình...*" [7].

Bình-nguyên Lộc đã khẳng định được vị trí của mình trong văn xuôi đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975, chính là nhờ vốn văn hoá và việc phát huy "*những khía cạnh tốt đẹp*" của nền văn hoá ấy. Đối chiếu trong lịch sử phát triển của văn xuôi hiện đại thế kỷ XX, tác phẩm của Bình-nguyên Lộc cũng như Sơn Nam và một số cây bút khác là sự tiếp nối với Hồ Biểu Chánh trong việc trình bày bằng một giọng văn đặc sệt Nam Bộ: hồn nhiên, dân dã. Giọng điệu ấy cùng với những hình ảnh ngộ nghĩnh, mới mẻ về cuộc sống và con người của vùng đất phương Nam, trong một chừng mực nhất định, đã làm trẻ hoá diễn đàn văn xuôi vốn trước đó chỉ có giọng Bắc chiếm lĩnh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nam Anh (1972), Phỏng vấn nhà văn Bình-nguyên Lộc, Tạp chí Văn số 199 ngày 1/4/1972.
2. Lê Đình Bích, Trương Thanh Hùng et.al. (2003), Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hoá văn nghệ dân gian Nam Bộ, Nxb Khoa học Xã hội, H, 2004.
3. Hoàng Văn Bình (1974), Cái duyên của Bình-nguyên Lộc, Tạp chí Thời Tập số X ngày 10/10/1974.
4. Lê Phương Chi (2001), Tâm tình văn nghệ sĩ, Nxb Thanh Niên.
5. Chu Xuân Diên (1999), Cơ sở văn hoá Việt Nam (Bài giảng), Đại học Quốc gia Tp.HCM xuất bản.
6. Thành Duy (1982), Về tính dân tộc trong văn học, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
7. Vũ Hạnh (1960), Điểm sách Ký Thác của Bình-nguyên Lộc, Tạp chí Bách Khoa số 82 ngày 1/6/1960.

8. Nguyễn Ngũ Í (1967), *Sống và viết với...*, Nxb Ngày Xanh, SG.
9. Cao Huy Khanh (1974), *Bình-nguyên Lộc-Nhà văn của đời sống tâm lý hằng ngày*, Tạp chí Thời Tập số X ngày 10/10/1974.
10. Bình-nguyên Lộc (1974), *Kinh nghiệm viết văn của tôi*, Tạp chí Thời Tập số X ngày 10/10/1974.
11. Bình-nguyên Lộc (1997), *Hai truyện ngắn in chung trong Văn học yêu nước tiến bộ - Cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954-1975*, Nxb Văn Nghệ Tp.HCM.
12. Trần Văn Nam (1974), *Đi tìm một lối viết tiểu thuyết qua cuốn Đò Dọc*, Tạp chí Thời Tập số X ngày 10/10/1974.
13. Sơn Nam (1974), *Đọc tác phẩm đầu tay của Bình-nguyên Lộc*, Tạp chí Thời Tập số X ngày 10/10/1974.
14. Nguyễn Q. Thắng (2002), *Tuyển tập Bình-nguyên Lộc, tập I, II, III, IV*, Nxb Văn học (Phần truyện ngắn và các trích dẫn trong bài viết này đều nằm ở tập 1 và 2, thứ tự số trang tính chung cả hai tập).
15. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, HN.
16. Trần Quốc Vượng (1996), *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, HN.